

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đậu Thị Phú, nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu tại xã Quảng Trạch, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí phường Ba Đoàn, tỉnh Quảng Trị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh P1, giới tính: Nam; sinh ngày 30 tháng 8 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 25 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

2. Đoàn Hữu N, giới tính: Nam; sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 7 tháng 23 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1973 và bà Trần Thị M1,

sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

3. Võ Minh T, giới tính: Nam; sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 7 tháng 14 ngày*) tại xã Q, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ S, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1985; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Thê A, giới tính: Nam; sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 6 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

5. Trần Thanh S1, giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 05 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn S2, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị S3, sinh năm 1987; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Dương Gia B1, giới tính: Nam; sinh ngày 03 tháng 4 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 11 tháng 24 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1976 và bà Dương Thị V, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

7. Phạm Ngọc T7, giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 11 tháng 7 ngày*) tại xã Q, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Văn B2, sinh năm 1976 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

8. Nguyễn Đức H2, giới tính: Nam; sinh ngày 03 tháng 12 năm 2008 (*Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 3 tháng 24 ngày*) tại phường B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố C, phường B, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: học sinh; con ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1980 và bà Đỗ

Thị Thanh L, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 17/6/2025 đến nay. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp:*

+ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức H2: Bà Đỗ Thị Thanh L, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố C, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Thanh S1: Ông Trần Văn R, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Danh P: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố B, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng cháu Nguyễn H4: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố E, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H2, Nguyễn Thế A: Ông Hà Nhật L1; địa chỉ: Trung tâm T9 tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh S1, Đoàn Hữu N: Ông Hoàng Minh T2; địa chỉ: Trung tâm T9 tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh P1, Võ Minh T: Bà Nguyễn Thị Hương T3; địa chỉ: Trung tâm T9 tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Danh P, sinh năm 2008; nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Bà Võ Thị H1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968, nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Trần Thanh H5, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị (Hiệu trưởng trường THPT L3). Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Cháu Trần Công T4, sinh năm 2007, nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Cháu Trần Mạnh D1, sinh năm 2007, nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- + Cháu Trần Sinh T5, sinh năm 2007, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.
- + Cháu Trần Thị Kim O, sinh năm 2007, nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.
- + Cháu Nguyễn H4, sinh năm 2008, nơi cư trú: Khu phố E, phường B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.
- + Chị Phạm Thị L2, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân trước đó nên vào tối ngày 26/3/2025, Võ Minh T và Đoàn Hữu N thông qua ứng dụng Messenger nhắn tin thách thức và hẹn nhau sau tiết 2 buổi học ngày mai gặp tại căng tin trường để giải quyết mâu thuẫn. N nhắn tin cho Trần Thanh S1, Nguyễn Thế A và Nguyễn Danh P để giải quyết mâu thuẫn với T. Còn T nhắn tin cho Nguyễn Dương Gia B1 và Phạm Ngọc T7 để giải quyết mâu thuẫn với N; B1 nhắn tin rủ thêm Phạm Thanh P1. Sau khi được nhắn tin rủ tham gia thì tất cả đều đồng ý. Đến khoảng 08 giờ 40 phút ngày 27/3/2025, tại phòng ăn của căng tin Trường Trung học phổ thông L3, nhóm của N, gồm: N, A, S1 và P; nhóm của T gồm: T, B1 và T7 gặp nhau. Tại đây, N và T ngồi đối diện nhau ở bàn uống nước, N hỏi T “Hôm qua mi đòi đập ai?”, T trả lời: “Đụ mả mi, đòi đập tau à?”. N cầm chai vỡ nhựa chứa ít nước, nhãn hiệu Number One ném thẳng vào người T rồi cả hai lao vào dùng tay, chân đánh nhau. Thấy vậy, những người còn lại cũng lao vào đánh, đấm nhau, gây náo loạn, làm mất an ninh trật tự trường học, hành vi cụ thể như sau:

Nam, A và S1 lao vào dùng tay đánh vào vùng lưng, bụng và mông của T. B1 dùng tay nắm, kéo áo của N rồi dùng tay phải đấm vào bả vai phải phía sau lưng và một số vị trí khác trên cơ thể Nam thì được P can ngăn. T7 từ phía sau lao vào, dùng tay phải kẹp cổ và tay trái đấm 02 cái vào vùng ngực của N. Nguyễn Đức H2 đến căng tin ăn sáng, thấy đánh nhau nên H2 đi lại đẩy T7 ra thì cả hai xảy ra cãi vã, H2 dùng tay phải tát 02 cái vào mặt của T7, được mọi người can ngăn nên tất cả dừng lại và về lớp học. Một lúc sau, P1 đến và hỏi về việc “ai đánh trước” thì được một số người trả lời là “N đánh trước”. Nghe vậy, P1 đi thẳng đến lớp học của N. Khi thấy N, P1 liền tiến đến và dùng tay phải tát vào mặt N một cái. N cũng dùng tay đánh lại P1, rồi cả hai lao vào đánh nhau thì được mọi người can ngăn. P1 quay về lại lớp của mình rồi mang theo một thước kẻ bằng kim loại và một con dao bấm đi tìm N. Khi thấy N, P1 dùng dao bấm (chưa bật lưỡi dao ra) chỉ thẳng vào N và nói “mi coi chừng tau đó” rồi xông đến để đánh N thì được mọi người can ngăn. Sau khi biết sự việc xảy ra, Ban giám hiệu nhà trường đã mời N, P1 và một số người khác lên tại phòng

Đoàn trường để làm việc. Tại đây, khi thấy N, P1 liền dùng tay phải tát vào sau đầu của N, các giáo viên thấy vậy thì can ngăn ra. Sau đó Nhà trường đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an yêu cầu xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Bản kết luận giám định số 321/KL-KTHS ngày 18/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: “1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong mẫu cần giám định ký hiệu A (01 file video có tên “video 4.mp4”, dung lượng 8,97 MB); 2. Đặc điểm của những người liên quan, diễn biến vụ việc được ghi lại trong mẫu cần giám định ký hiệu A thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Kèm theo Kết luận giám định: 01 (một) Phụ lục (gồm 06 trang, 19 ảnh). Hoàn trả đối tượng giám định: 01 (một) USB, nhãn hiệu SanDisk, màu đen, loại dung lượng 16GB lưu trữ mẫu cần giám định ký hiệu A”. Tại Bản kết luận giám định số 336/KL-KTHS ngày 21/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: “Mẫu cần giám định - ký hiệu A (01 con dao, loại dao gấp, lưỡi bằng kim loại sáng màu, có một cạnh sắc dài 9,8 cm) là “dao gấp” thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ C”. Tại Bản kết luận giám định số 55/KLTTCT-TTGĐYK-PY ngày 23/5/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh Q về tổn thương trên cơ thể của Phạm Thanh P1, kết luận: “1. Các kết quả chính: Thương tích phần mềm vùng trán phải và dưới mũi trái hiện không để lại sẹo và di chứng. 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thanh P1 tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm); Kết luận khác: Vật gây thương tích: các thương tích nêu trên do vật tày gây nên; Tính chất thương tích: các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng”. Tại Bản kết luận giám định số 56/KLTTCT-TTGĐYK-PY ngày 23/5/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh Q về tổn thương trên cơ thể của Phạm Ngọc T7, kết luận: “1. Các kết quả chính: Thương tích sau vành tai trái hiện tại không để lại sẹo và di chứng. 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Ngọc T6 tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm); Kết luận khác: Vật gây thương tích: các thương tích nêu trên do vật tày gây nên; Tính chất thương tích: các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng”. Tại Bản kết luận giám định số 57/KLTTCT-TTGĐYK-PY ngày 23/5/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh Q về tổn thương trên cơ thể của Đoàn Hữu N, kết luận: “1. Các kết quả chính: Thương tích giữa hai cung lông mày và dưới mắt phải hiện tại không để lại sẹo tích, di chứng; Thương tích 1/3 dưới sau cẳng tay phải để lại sẹo kích thước 4x0,2cm; 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của

Đoàn Hữu N tại thời điểm giám định là: Thương tích giữa hai cung lông mày hiện tại không để lại sẹo tích và di chứng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Thương tích dưới mắt phải hiện tại không để lại sẹo tích và di chứng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Thương tích 1/3 dưới sau cằm tay phải để lại sẹo kích thước 4x0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (một phần trăm); Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các thương tích trên tại thời điểm giám định là: 01% (một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư; Kết luận khác: Vật gây thương tích: các thương tích nêu trên do vật tày gây nên; Tính chất thương tích: các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng”. Tại Bản kết luận giám định số 58/KLTTCT-TTGDYK-PY ngày 23/5/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh Q về tổn thương trên cơ thể của Võ Minh T, kết luận: “1. Các kết quả chính: Thương tích vùng thái dương trái, gần đuôi lông mày trái, hiện tại không để lại sẹo tích; Thương tích vùng thái dương trái, sau đuôi lông mày trái kéo xuống má trái, hiện tại không để lại sẹo tích; Thương tích vùng dưới mắt phải, hiện tại không để lại sẹo tích; Thương tích vùng mũi bên phải, hiện tại không để lại sẹo tích. 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Minh T tại thời điểm giám định là: Thương tích vùng thái dương trái, gần đuôi lông mày trái, hiện tại không để lại sẹo tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Thương tích vùng thái dương trái, sau đuôi lông mày trái kéo xuống má trái, hiện tại không để lại sẹo tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Thương tích vùng dưới mắt phải, hiện tại không để lại sẹo tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Thương tích vùng mũi bên phải, hiện tại không để lại sẹo tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (không phần trăm); Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các thương tích trên tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm). Kết luận khác: Vật gây thương tích: các thương tích nêu trên do vật tày gây nên; Tính chất thương tích: các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng”.

- Tạm giữ và xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã thu giữ: 01 con dao bấm, làm bằng kim loại, có chiều dài 22,5cm, cán dao dài 12,7 cm và lưỡi dao dài 9,8 cm, có một đầu nhọn, đã qua sử dụng, điểm rộng nhất lưỡi dao 1,6cm, 01 cái thước được sử dụng để kẻ bảng có chiều dài khoảng 1,2m, chiều rộng 1,5cm và chiều cao 3cm; hình hộp chữ nhật, được làm bằng kim loại, màu nâu, có họa tiết vân gỗ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu vàng, số IMEI: 352846113006522, số IMEI2: 352846113152789, đã qua sử dụng, màn hình trước của máy đã bị nứt vỡ, bên trong gắn thẻ sim 0818388802 từ bị can Phạm Thanh Phong. Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, vỏ màu trắng, số IMEI 1: 357230091513160, số IMEI 2: 357230093258764, gắn sim số

0399324866, không kiểm tra chất lượng bên trong từ bị can Đoàn Hữu N; thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro, màu xanh, số IMEI: 353074111341820, số IMEI 2: 353074111185409, gắn thẻ sim 0912657294, đã qua sử dụng từ bị can Nguyễn Thế A. Thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A60, màu tím, số IMEI 1: 860619070052374, số IMEI 2: 860619070052366, gắn thẻ sim 1 số 0896467662 và sim 2 số: 0365830920, đã qua sử dụng từ bị can Võ Minh T. Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu trắng, loại 64GB, số IMEI 1: 355044560188632, số IMEI 2: 355044560219007, đã qua sử dụng từ bị can Nguyễn Dương Gia B1. Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro, màu vàng nhạt, số IMEI: 359663607178987, số IMEI 2: 359663607978774, đã qua sử dụng từ bị can Phạm Ngọc Thắng và 01 USB nhãn hiệu SanDisk, bằng nhựa, màu đen, dung lượng 16GB, bên trong chứa 01 (một) file mang tên “video 4.mp4”, định dạng MP4, dung lượng 8,97MB.

Quá trình điều tra, xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu vàng nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn Đ (bố ruột của bị can Phạm Thanh P1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, vỏ màu trắng nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đoàn Văn B (bố ruột của bị can Đoàn Hữu N); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro, màu xanh nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị X (là mẹ ruột của bị can Nguyễn Thế A); 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A60, màu tím nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị D (mẹ ruột của bị can Võ Minh T); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu trắng nêu trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc A1 (là bố ruột của bị can Nguyễn Dương Gia B1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro, màu vàng nhạt nêu trên là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị H1 (là mẹ ruột của bị can Phạm Ngọc T7). Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp. Riêng đối với 01 USB, 01 con dao bấm và 01 cái thước kẻ bằng, tiếp tục tạm giữ để chuyển xử lý theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chai nước lọc, bằng nhựa, màu trong suốt, dung tích 500ml, trên thân chai có dán nhãn màu xanh, có dòng chữ Number One, đã qua sử dụng (không có nắp chai, bên trong còn ít nước) là vật mà bị can Đoàn Hữu N dùng để ném về phía bị can Võ Minh T, sau khi sự việc xảy ra, cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

- Về dân sự: Các bị cáo Phạm Thanh P1, Võ Minh T và Phạm Ngọc T7 chỉ bị xây xước nhẹ, không để lại thương tích nên không yêu cầu bồi thường. Riêng đối với bị can Đoàn Hữu N, bị thương tích với tỷ lệ tổn thương trên cơ thể 01%, là do N tự gây ra nên không yêu cầu bồi thường. Các bên cam đoan không khiếu nại gì về phần dân sự.

- Cáo trạng số 14/CT-VKSKV3 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Phạm Thanh P1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các bị Đoàn Hữu N, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A và Võ Minh T về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H5, cháu Nguyễn Danh P và người đại diện hợp pháp của cháu P ông Nguyễn Quang T1; người làm chứng cháu Trần Công T4, Trần Mạnh D1, Trần Sinh T5, Trần Thị Kim O, Nguyễn H4 và người đại diện hợp pháp của cháu H4 ông Nguyễn Văn Ú. Xét thấy những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh P1, Đoàn Hữu N, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A và Võ Minh Trọng phạm T8 “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 119, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, đề nghị xử phạt: bị cáo Phạm Thanh P1 từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 118, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, đề nghị xử phạt đối với các bị cáo Đoàn Hữu N, Võ Minh T mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 con dao bấm, làm bằng kim loại, có chiều dài 22,5cm, cán dao dài 12,7 cm và lưỡi dao dài 9,8 cm, có một đầu nhọn, đã qua sử dụng, điểm rộng nhất lưỡi dao 1,6cm; 01 thước kẻ bằng gỗ có chiều dài khoảng 1,2m, chiều rộng 1,5cm và chiều cao 3cm, hình hộp chữ nhật, được làm bằng kim loại, màu nâu, có họa tiết, là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng; lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với 01 USB, nhãn hiệu SanDisk, bằng nhựa, màu đen, dung lượng 16GB, bên trong chứa 01 (một) file mang tên “video 4.mp4”, định dạng MP4, dung lượng 8,97MB.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

+ Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về

tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 đã truy tố, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: nhất trí với Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, loại hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi khi dưới 18 tuổi, tuổi chưa đầy đủ về thể chất và tinh thần nên nhận thức còn hạn chế, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã nhận thức được lỗi lầm, mong muốn có cơ hội sửa chữa để hoàn thiện bản thân. Mức hình phạt những người bào chữa đề xuất với Hội đồng xét xử, cụ thể: Phạm Thanh P1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; Võ Minh T và Đoàn Hữu N, mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2 và Nguyễn Thế A mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị tuyên phạt cải tạo không giam giữ.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức H2 và Đoàn Thanh S4: các bị cáo phạm tội là do nhất thời nông nổi, có phần lỗi của gia đình trong quản lý, theo dõi, nuôi dạy con, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không ai có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn từ trước nên vào tối 26/3/2025, Võ Minh T và Đoàn Hữu N thông qua ứng dụng Messenger nhắn tin thách thức và hẹn nhau tiết học thứ hai ngày hôm sau gặp nhau tại căng tin trường L3 để giải quyết mâu thuẫn. N nhắn tin cho Trần Thanh S1, Nguyễn Thế A và Nguyễn Danh P; T nhắn tin cho Nguyễn Dương Gia B1 và Phạm Ngọc T7, B1 nhắn tin cho Phạm Thanh P1 để giải quyết mâu thuẫn vào thời gian, địa điểm như đã hẹn và các bị cáo được nhắn tin đều đồng ý. Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 27/3/2025, tại căng tin trường L3, Đoàn Hữu N, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn

Dương Gia B1, Nguyễn Thế A và Võ Minh T có hành vi đâm, đá lẫn nhau, gây náo loạn, làm mất an ninh trường học, được mọi người can ngăn nên cả hai nhóm về lớp học. Phạm Thanh P1 đến sau, nghe kể lại sự việc liền đi thẳng lên lớp của Đoàn Hữu N và tát thẳng vào mặt N. N cũng dùng tay đánh lại P1, rồi cả hai lao vào đánh nhau thì được mọi người can ngăn, P1 liền đi về lớp cầm theo một thước kẻ bằng kim loại và 01 con dao bấm tìm N. Khi thấy N, P1 cầm dao bấm chưa bật lưỡi chỉ thẳng vào mặt rồi xông đến đánh N, được mọi người can ngăn. Ban giám hiệu nhà trường mời N, P1 và một số người liên quan đến phòng Đoàn trường để làm việc. Tại đây, khi thấy N, P1 liền dùng tay tát vào đầu N. Hành vi của các bị cáo gây náo loạn, mất an ninh trường học, ảnh hưởng đến sự yên tĩnh, tôn nghiêm của trường học, gây tâm lý hoang mang cho học sinh. Nhà trường yêu cầu xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Trong đó, bị cáo Phạm Thanh P1 sử dụng hung khí, gây rối trật tự công cộng nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đoàn Hữu N, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A và Võ Minh T dùng tay không đánh nhau, gây rối trật tự công cộng nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, các bị cáo đã có hành vi đuổi đánh, la hét, gây lộn xộn, huyên náo trường học, ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục; gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho các học sinh. Trực tiếp xâm phạm đến trật tự chung được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải đưa ra xử lý bằng pháp luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với vai trò và tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng không có yếu tố tổ chức, không có sự phân công, phân nhiệm và sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này, nhóm của T do T là người khởi xướng; nhóm của N do N khởi xướng đã rủ rê các bị cáo khác tụ tập, đánh nhau, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ việc gây mất trật tự công cộng nên có vai trò ngang nhau và cao nhất; các bị cáo A, S1, T7, B1 tham gia với vai trò thực hành, giúp sức tích cực nên có vai trò ngang nhau và thứ hai trong vụ án.

Đối với Phạm Thanh P1, dù không trực tiếp ầu đã giữa hai nhóm nhưng sau khi biết sự việc đã tìm đánh N, sử dụng dao bấm và thước kẻ bằng kim loại hung khí. Nguyễn Đức H2 không liên quan đến mâu thuẫn giữa hai nhóm, khi hai nhóm đánh nhau đã có hành động đứng lại xem, sau đó xảy ra cãi vã với Phạm Ngọc T7 và dùng tay đánh 02 cái vào vùng mặt của T7, gây náo loạn và an ninh trường học nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa 08 bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ănh hối cải về hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đoàn Hữu N, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A và Võ Minh T lần đầu tiên phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Thanh P1 có bố là ông Phạm Văn Đ phục vụ quân ngũ, có thành tích được tặng thưởng H6, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang nhất, nhì, ba và huy chương Quân kỳ quyết thắng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy:

Khi phạm tội, các bị cáo dưới 18 tuổi (vị thành niên) nên quyết định hình phạt cần cân nhắc, áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt các bị cáo ở mức nhẹ hơn so với mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương tự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân tại địa phương, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Trong đó, bị cáo Phạm Thanh P1 sử dụng hung khí, tìm và đánh nhau với Đoàn Hữu N, gây rối trật tự công cộng, dù Ban giám hiệu nhà trường mời lên giải quyết nhưng lại tiếp tục đánh N, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cho hưởng án treo, chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện khoan hồng pháp luật, đồng thời đảm bảo tác dụng và mục đích của hình phạt. Các bị cáo Đoàn Hữu N, Võ Minh T, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1 và Nguyễn Thế A dùng tay không đánh nhau, mức độ nguy hiểm của hành vi cho xã hội ít hơn, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

01 con dao bấm, làm bằng kim loại, có chiều dài 22,5cm, cán dao dài 12,7 cm và lưỡi dao dài 9,8 cm, có một đầu nhọn, đã qua sử dụng, điểm rộng nhất lưỡi dao 1,6cm và 01 thước kẻ bằng có chiều dài khoảng 1,2m, chiều rộng 1,5cm và chiều cao 3cm, hình hộp chữ nhật, được làm bằng kim loại, màu nâu, có họa tiết, là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 USB, nhãn hiệu SanDisk, bằng nhựa, màu đen, dung lượng 16GB, bên trong chứa 01 (một) file mang tên “video 4.mp4”, định dạng MP4, dung lượng 8,97MB, lưu giữ theo hồ sơ để làm căn cứ vụ án.

01 chai nước lọc, bằng nhựa, màu trong suốt, dung tích 500ml, trên thân chai có dán nhãn màu xanh, có dòng chữ Number One, đã qua sử dụng, còn ít

nước, các bị cáo khai là vật mà Đoàn Hữu N dùng để ném về phía Võ Minh T, không thu giữ được nên không có căn cứ đánh giá, xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Phạm Thanh P1, Võ Minh T và Phạm Ngọc T7 bị xây xước nhẹ, không để lại thương tích; bị cáo Đoàn Hữu N bị thương tích với tỷ lệ tổn thương trên cơ thể 01 %, là do N tự gây ra; các bị cáo không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Hành vi có liên quan:

Nguyễn Danh P được bị cáo Đoàn Hữu N nhắn tin hẹn đi giải quyết mâu thuẫn với bị can Võ Minh T. Tuy nhiên khi đến nơi anh P có hành vi can ngăn nên không có vai trò đồng phạm trong vụ án.

Đối với các bị cáo ngoài hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng còn có hành vi cố ý gây thương tích, tuy nhiên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ tài liệu đến Phòng K Công an tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[9] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh P1, Đoàn Hữu N, Võ Minh T, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 119, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt: Phạm Thanh P1 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2025).

Giao bị cáo Phạm Thanh P1 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 318, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 118 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt:

- Đoàn Hữu N 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

- Võ Minh T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.
- Nguyễn Thế A 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.
- Trần Thanh S1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.
- Nguyễn Dương Gia B1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.
- Phạm Ngọc T7 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.
- Nguyễn Đức H2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao các bị cáo Đoàn Hữu N, Nguyễn Thế A, Trần Thanh S1 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Trị; các bị cáo Võ Minh T, Phạm Ngọc T7 cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Quảng Trị; các bị cáo Nguyễn Dương Gia B1 và Nguyễn Đức H2 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Trị phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo các khoản 1, 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 147 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bấm, làm bằng kim loại, có chiều dài 22,5cm, cán dao dài 12,7 cm và lưỡi dao dài 9,8 cm, có một đầu nhọn, đã qua sử dụng, điểm rộng nhất lưỡi dao 1,6cm; 01 cái thước được sử dụng để kẻ bảng có chiều dài khoảng 1,2m, chiều rộng 1,5cm và chiều cao 3cm, hình hộp chữ nhật, được làm bằng kim loại, màu nâu, có họa tiết vân gỗ.

Lưu giữ theo hồ sơ để làm căn cứ vụ án: 01 USB nhãn hiệu SanDisk, bằng nhựa, màu đen, dung lượng 16GB, bên trong chứa 01 (một) file mang tên “video 4.mp4”, định dạng MP4, dung lượng 8,97MB.

4. Án phí: áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”, buộc Phạm Thanh P1, Đoàn Hữu N, Võ Minh T, Trần Thanh S1, Nguyễn Đức H2, Phạm Ngọc T7, Nguyễn Dương Gia B1, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các khoản 1, 2, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2025) đối với những người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án đối với những người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND p.Ba Đồn, p.Bắc Gianh,
xã Quảng Trạch;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA; THA hình sự.

(Đã ký)

Phan Anh Đức